

ベトナム語の受身文

川口 健一

ベトナム語では主に、動詞 *được* / *bị* を用いて受身文を表す。それぞれの意味機能は「受益」/「被不利益」である。基本構文は、以下のようになる。

〈S1 + *được* / *bị* + 〈(S2) + V〉〉

S1 : 被動作主

S2 : 動作主

(7) Taro đã bị Hanako đánh.

タロウ PRF BỊ ハナコ 叩く

(タロウはハナコに叩かれた)

*能動文:

Hanako đã đánh Taro.

ハナコ PRF 叩く タロウ

(ハナコはタロウを叩いた)

(イ) Taro đã bị Hanako giẫm vào chân.

タロウ PRF BỊ ハナコ 踏む PREP 足

(タロウはハナコに足を踏まれた)

*能動文:

Hanako đã giẫm vào chân của Taro.

ハナコ PRF 踏む PREP 足 PREP タロウ

(ハナコはタロウの足を踏んだ)

(ウ) Hanako đã bị kẻ-gian lấy-cấp chiếc ví.

ハナコ PRF BỊ 悪者 盗む CLF 財布

(ハナコは悪者に財布を盗まれた)

*能動文：

Kẻ-gian đã lấy-cắp chiếc ví của Hanako.

悪者 PRF 盗む CLF 財布 PREP ハナコ

(悪者がハナコの財布を盗んだ)

次のような表現では動作主は表現されない。

Hanako đã bị mất-cắp chiếc ví.

ハナコ PRF BỊ 盗まれる CLF 財布

(ハナコは財布を盗まれた：Hanako had her purse stolen)

この文では bị は modal な意味をもつ付属語（助詞）であり，省略することが可能である．動詞 mất-cắp の意味構造は「なくす」-「盗む」（＝「盗まれる」）で，動作主が排除される構文になる．

(エ) Tôi-qua con-bé khóc quá. Vì thế không ngủ được tí-nào.

昨夜 赤ん坊 泣く 過度に 故にその NEG 眠る できる 僅か

(昨夜，赤ん坊がひどく泣いた．それでちっとも眠れなかった)

能動文で表現する．後半の（ちっとも眠れなかった）を導くには，khóc 「泣く」だけでは不十分で，quá 「過度に，あまりにも」，suốt đêm 「夜通し」などの程度を示す語句が必要になる．（赤ん坊に泣かれる）という受身文はない．

Cf: *Tôi-qua tôi bị con-bé khóc quá.

昨夜 私 BỊ 赤ん坊 泣く 過度に

(オ) Tòa nhà mới do bố tôi xây.

CLF ビル 新しい AM 父 私 建て

(新しいビルは私の父が建てた)

ベトナム語の受身文は，「受益」/「被不利益」表現であるため，(オ)のような文のモノ主語受身には基本的にはなじまない．「中立」・「動作主マーカー」の意味機能をもつ do を用いて上記のように表現する．

*能動文：

Bố tôi đã xây tòa nhà mới.

父 私 PRF 建てる CLF ビル 新しい

(私の父は新しいビルを建てた)

次のような受身文も可能であるが、やはりやや不自然な表現になる。「受益」の意味内容が関係してくるからである。

Tòa nhà mới đã được Công-ty xây-dựng Higashimatsu xây.

CLF ビル 新しい PRF ĐƯỢC 会社 建設する 東松 建てる

(新しいビルが東松建設によって建てられた)

この文に「美しく」、「立派に」などの「受益」の意味内容を付加すると自然な表現になる。

Tòa nhà mới đã được Công-ty xây-dựng Higashimatsu xây rất đẹp.

CLF ビル 新しい PRF ĐƯỢC 会社 建設する 東松 建てる とても美しい

(新しいビルが東松建設によってとても美しく建てられた)

能動文は「中立」の意味内容になるため、以下の文は不足のない自然な表現になる。

*能動文：

Công-ty xây-dựng Higashimatsu đã xây tòa nhà mới.

会社 建設する 東松 PRF 建てる CLF ビル 新しい

(東松建設が新しいビルを建てた)

(カ) Ở Ca-na-đa người-ta nói tiếng Pháp.

PREP カナダ 人々 話す 言葉 フランス

(カナダではフランス語を話している)

(キ) Chiếc ví đã bị (kẻ-gian) lấy-cắp.

CLF 財布 PRF BỊ (悪者) 盗む

(財布が(悪者に)盗まれた)

*能動文：

Kẻ-gian đã lấy-cắp chiếc ví.

悪者 PRF 盗む CLF 財布

(悪者が財布を盗んだ)

次の構文では動作主が排除され、また bị は省略できる。(ウ)を参照。

Chiếc ví đã bị mất-cắp.

CLF 財布 PRF BỊ 盗まれる

(財布が盗まれた)

(ク) Trên tường treo tranh.

PREP 壁 掛ける 絵

(壁に絵が掛けてある)

この構文では, được を用いることはできない。

Cf: *Trên tường được treo tranh.

PREP 壁 ĐƯỢC 掛ける 絵

次の構文では được を用いることができる。

Bức tranh đã được treo trên tường.

CLF 絵 PRF ĐƯỢC 掛ける PREP 壁

(絵が壁に掛けられている)

*能動文：

Taro đã treo bức tranh lên tường.

タロウ PRF 掛ける CLF 絵 PREP 壁

(タロウが壁に絵を掛けた)

(ケ) Taro được em-gái của Hanako yêu.

タロウ ĐƯỢC 妹 PREP ハナコ 愛する

(タロウはハナコの妹に愛されている)

*能動文：

Em-gái của Hanako yêu Taro.

妹 PREP ハナコ 愛する タロウ

(ハナコの妹はタロウを愛している)

(㉔) Thầy-giáo đã nói với học-trò rằng ngày-mai thi.

先生 PRF 言う PREP 生徒 CONJ 明日 試験
(先生は生徒に「明日試験だ」と言った)

ベトナム語では受身文は用いない。伝達動詞 báo 「告げる」を用いて次のように言うこともできる。

Thầy-giáo đã báo học-trò rằng ngày-mai thi.

先生 PRF 告げる 生徒 CONJ 明日 試験

グロス略語一覧

AM : 動作主マーカー / CLF : 助数詞 / CONJ : 接続詞 / NEG : 否定詞 / PREP :
前置詞 / PRF : 完了相マーカー